

THUYẾT MINH DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
ĐỂ THỰC HIỆN ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG CƠ SỞ THEO ND 73/2024/ND-CP
CHƯƠNG 424 LOẠI 070 KHOẢN 092

(Kèm theo Quyết định số 231/QĐ-TCKTKTDL ngày 28/10/2024 của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch tỉnh Ninh Bình)

DVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Mục	Tiểu mục	Cơ sở tính	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
						Số chi từ nguồn CCTL	Kinh phí NSNN cấp bổ sung	
I	KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG				898.849	258.849	640.000	
1	Viên chức				851.306	245.006	606.300	
1.1	Tiền lương	6000			492.500	140.900	351.600	
-	Lương theo ngạch, bậc		6001	Đối với biên chế đã có mặt: 40 BC 152,01 * 540ngđ * 6th	492.500	140.900	351.600	
1.2	Phụ cấp lương	6100			223.956	64.956	159.000	
-	Phụ cấp chức vụ		6101	PC chức vụ HT, HP...: 4,8 x 540ngđ x 6 tháng	15.552	4.552	11.000	
-	Phụ cấp ưu đãi nghề:		6112	41,5* 540ngđ * 6th	134.460	38.960	95.500	
-	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc		6113	(Đoàn TN: 0,25; Kế toán: 0,2; TQ: 0,1) HS: 0,55*540ngđ*6 tháng	1.782	482	1.300	
-	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề		6115	- PC TNVK: HS 0,747*540ngđ*6tháng = 2.420ngđ - PC TN nghề: HS 19,6889*540ngđ*6th = 63.910ngđ	66.330	19.230	47.100	
-	Phụ cấp công tác Đảng đoàn thể chính trị- xã hội		7854	(06 người * 0.3 * 540ngđ * 6 tháng)	5.832	1.732	4.100	

STT	Nội dung	Mục	Tiểu mục	Cơ sở tính	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
						Số chi từ nguồn CCTL	Kinh phí NSNN cấp bổ sung	
1.3	Các khoản đóng góp	6300			134.850	39.150	95.700	
-	Bảo hiểm xã hội		6301	$(492.500 + 15.552 + 65.779) = 573.831 \times 17,5\%$	100.420	29.120	71.300	
-	Bảo hiểm y tế		6302	$573.831 \times 3\%$	17.215	5.015	12.200	
-	Kinh phí công đoàn		6303	$573.831 \times 2\%$	11.477	3.377	8.100	
-	Bảo hiểm thất nghiệp		6304	$573.831 \times 1\%$	5.738	1.638	4.100	
2	HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				47.543	13.843	33.700	
1.1	Tiền công	6050			37.800	11.000	26.800	
-	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo HĐ		6051	HĐLĐ: 7 người HS $17,5 \times 540\text{ngđ} \times 4\text{th}$	37.800	11.000	26.800	
1.2	Phụ cấp lương	6100			696	196	500	
-	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề		6115	PC TNVK: HS $0,3224 \times 540\text{ngđ} \times 4\text{tháng}$	696	196	500	
1.3	Các khoản đóng góp	6300			9.047	2.647	6.400	
-	Bảo hiểm xã hội		6301	$(37.800 + 696) = 38.496 \times 17,5\%$	6.737	1.937	4.800	
-	Bảo hiểm y tế		6302	$38.496 \times 3\%$	1.155	355	800	
-	Kinh phí công đoàn		6303	$38.496 \times 2\%$	770	270	500	
-	Bảo hiểm thất nghiệp		6304	$38.496 \times 1\%$	385	85	300	